

Bản án số: 882/2024/HC-PT
Ngày 21 tháng 8 năm 2024.
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 492 /2024/TLPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2521/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2024:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn M1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Chi nhánh V1 Luật sư Thái Văn M1, số B H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã P. Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã P, số D đường Đ, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Võ Mạnh H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (vắng mặt).
- Ông Phạm Hoàng V - Chuyên viên Phòng T2 (vắng mặt).
- Ông Phạm Doãn N - Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm PT quỹ đất (vắng mặt).
- Ông Nguyễn Minh T1 - Chủ tịch UBND xã T, thị xã P (vắng mặt).
- **Người kháng cáo:** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:**

- Hủy Quyết định số 6784/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M;
- Hủy Quyết định số 6804/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M;
- Buộc UBND thị xã P bồi thường đất thu hồi theo mục đích là đất ở đối với toàn bộ diện tích đất 300m²;
- Buộc UBND thị xã P bồi thường bằng đất ở là 300m².

Căn cứ để yêu cầu:

Vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M là chủ sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 16 tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 63947 ngày 22/3/2013, tổng diện tích 445,0m², mục đích sử dụng đất như sau:

- + Đất ở tại nông thôn: 300m²;
- + Đất trồng cây lâu năm: 145m².
- + Thời hạn sử dụng: lâu dài (đất ở tại nông thôn).

Ngày 29/6/2023, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 6784/QĐ-UBND để thu hồi đất của vợ chồng ông H bà M. Cùng ngày UBND thị xã P ban hành Quyết định số 6804/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường đất của vợ chồng ông H. Diện tích đất thu hồi là 230,7m² đất (177m² đất ở và 53,7m² đất nông nghiệp), diện tích còn lại sau thu hồi là 214,3m². Diện tích đất ở còn lại 123m² sau thu hồi cũng bị quy hoạch đường cao tốc, giai đoạn 2, không được phép xây dựng nhà (theo Công văn 1595/QLĐT ngày 5/10/2023 của Phòng quản lý Đô thị thị xã T2).

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B về bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

“Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm thu hồi đất hoặc không đủ điều kiện cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi ... thì được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư theo quy định...”

Đối chiếu quy định thì trường hợp của vợ chồng ông H đủ điều kiện thu hồi đất ở và được bồi thường đất ở bằng đất ở.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của ông H bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số 6784/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất của ông H bà M.

*** Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thị xã P:** Vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 6784 và Quyết định số 6804, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận khởi kiện của ông H, bà M.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ; điểm a Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 và khoản 2 Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M, Hủy mục III của Quyết định số 6804/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về phần:

“1. Bồi thường đất ở bằng đất ở: không, do không đủ điều kiện.

2. Giao đất ở: không có, do không đủ điều kiện

3. Hỗ trợ giao đất ở: không có, do không đủ điều kiện”.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của gia đình ông H, bà M theo quy định pháp luật đối với diện tích đất thu hồi 230,7m² là đất ở.

Bản án còn quyết định về án phí, và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, Ủy ban nhân dân thị xã P kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ủy ban nhân dân thị xã P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[1] Ông H và bà M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6784/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 về việc thu hồi đất (viết tắt: Quyết định số 6784) và Quyết định số 6804/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã P (viết tắt: Quyết định số 6804).

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: không yêu cầu hủy Quyết định số 6784/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M; chỉ yêu cầu xem xét lại diện tích đất thu hồi trong Quyết định là 300m² đất ở cho phù hợp với thực tế, giảm bớt sự thiệt hại cho gia đình ông H bà M.

[2] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P; Hội đồng xét xử xét thấy:

Vợ chồng ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M là chủ sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 16 tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 63947 ngày 22/3/2013, tổng diện tích 445,0m², mục đích sử dụng đất như sau:

- + Đất ở tại nông thôn: 300m²;
- + Đất trồng cây lâu năm: 145m².
- + Thời hạn sử dụng: lâu dài (đất ở tại nông thôn).

Tại thời điểm ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đất của gia đình ông H bà M được xác định là không đủ điều kiện tái định cư do còn đất ở 124,76m², nhưng hiện nay, sau khi Nhà nước thu hồi nhà đất (thu hồi hết nhà) thì diện tích đất ở còn lại 124,76m² sau thu hồi cũng bị quy hoạch đường Cao tốc. Gia đình đã xin phép xây nhà để ở thì các cơ quan có thẩm quyền đều có văn bản trả lời là đất nằm trong quy hoạch đường giao thông (đường C), không được xây dựng nhà ở được (theo Công văn 316/ QLĐT ngày 03/3/2023; Công văn 1595/QLĐT ngày 5/10/2023 của Phòng quản lý Đô thị thị xã T2; Công văn 329/TNMT ngày 07/3/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T2)

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B về bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể:

“Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm thu hồi đất hoặc không đủ điều kiện cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi ... thì được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư theo quy định... ”. Do đất còn lại của gia đình ông H không đủ điều kiện được cấp phép xây dựng do vậy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về nội dung trên là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người bị thu hồi đất và không còn nhà ở.

Đối với diện tích đất bị thu hồi được xác định là đất ở xét thấy:

Theo GCNQSD đất của gia đình ông H thể hiện; Đất ở tại nông thôn: 300m²;

Việc UBND thị xã P thu hồi 230,7m² đất của gia đình ông H bà M (trong đó có 177,0m² đất ở và 53,70m² đất nông nghiệp) mà không phải là 230,7m² đất ở là không hợp lý, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất.

Diện tích đất ở 124,76m² còn lại sau khi bị thu hồi cũng không đủ điều kiện để được xây dựng nhà ở như viện dẫn tại tiểu mục [1] nêu trên đồng thời việc thu hồi 230m² đất ở vẫn không vượt quá diện tích đất ở theo GCNQSD đất là 300m². Ngoài ra tổng diện tích xây dựng trên đất của ông H là 177,0m² thì UBND thị xã P chưa xem xét đến diện tích là sân trước.... liên quan đến nhà ở của ông H.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND thị xã P. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Căn cứ khoản 2 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ; điểm a Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 và khoản 2 Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H và bà Lê Thị Thanh M, Hủy mục III của Quyết định số 6804/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND thị xã P về phần:

- “1. Bồi thường đất ở bằng đất ở: không, do không đủ điều kiện.
2. Giao đất ở: không có, do không đủ điều kiện
3. Hỗ trợ giao đất ở: không có, do không đủ điều kiện”.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của gia đình ông H, bà M theo quy định pháp luật đối với diện tích đất thu hồi 230,7m² là đất ở.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000433 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- Lưu VT (5), HC (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành